TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 3 - 2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thủy.

Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Long– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 2000. (có mặt).

Địa chỉ: Số 97 tổ 7, ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1997. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 97 ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Thành T1 chung sống với nhau vào năm 2018, đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn, vợ chồng tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc. Sau khi cưới bà T và ông T1 thuê nhà và sinh sống tại xã P, huyện Long Điền. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 có người phụ nữ khác, theo bạn bè ăn chơi không chăm sóc cho vợ con, sau khi ông T1 đi chấp hành án thì bà T vẫn đi thăm nuôi ông T1 cho đến khoảng tháng 6/2020 đến nay

thì ly thân, hiện nay bà T và ông T1 không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay, bà T không không còn tình cảm với ông T1 nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông T1có 01 người con chung là cháu Nguyễn Bá T2, sinh ngày: 23/4/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 hiện đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 3- Trại giam Xuyên Mộc- Cục C10 Bộ Công an. Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 02/2021/QĐ-UTTA ngày 24/11/2021 gửi Trại giam Xuyên Mộc. Tại Bản tự khai ngày 01/12/2021 ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Ông T1và bà T chung sống với nhau với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn, tự nguyện chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 ông T1 bị bắt và kết án 08 năm tù về tội "cố ý gây thương tích". Ông T1 và bà T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Bá T2, sinh ngày: 23/4/2019. Ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T do mong muốn có cơ hội gặp bà T một lần để hòa giải khúc mắc để an tâm cải tạo sau đó sẽ ly hôn, theo ông T1 khi ông T1 chưa đi chấp hành án thì giữa ông T1 và bà T không có mâu thuẫn gì. Ông T1 có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà T và ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX, nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung giao con chung là cháu Nguyễn Bá T2 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Thành T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T1, mặc dù ông T1 đang chấp hành án nhưng ông T1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Thành T1 tự nguyện chung sống vào năm 2018, đến năm 2019 đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Theo bà T, vợ chồng chung hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì mâu thuẫn, do ông T1 có người phụ nữ khác, theo bạn bè ăn chơi

không chăm sóc cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 6/2020 đến nay. Còn theo ông T1 thì giữa bà T và ông T1 không có mâu thuẫn gì, ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần góp ý, vận động bà T đến thăm nuôi gặp mặt ông T1 để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng bà T cương quyết không đồng ý và yêu cầu ly hôn do không còn tình cảm với ông T1 nữa, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để cho bà T ly hôn với ông T1.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 xác định có 01 người con chung là: Nguyễn Bá T2, sinh ngày: 23/4/2019. Xét thấy, hiện nay bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đồng thời ông T1 đang chấp hành án không có điều kiện để chăm sóc con bằng bà T, hơn nữa cháu T2 còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó cần giao cháu T2 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bá T2, sinh ngày: 23/4/2019 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp

theo biên lai thu số 0004628 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà T đã nộp đủ. Ông Nguyễn Thành T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2022), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND xã An Nhứt;
- TAND tỉnh BRVT;
- THADS H.Long Điền
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung